

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HÁT KỂ SỬ THI VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA OT NDRONG VỚI ĐỜI SỐNG CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC M'NÔNG

Triệu Văn Thịnh

Trường Đại học Tây Nguyên, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Ngày nhận bài 15/10/2020, ngày nhận đăng 14/12/2020

Tóm tắt: Sử thi M' nông (ot ndrong) là một di sản văn hoá của tộc người M' nông cũng như của dân tộc Việt Nam. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu sử thi M' nông từ hai góc nhìn: thứ nhất, trong môi trường diễn xướng, ot ndrong gắn liền với vai trò của nghệ nhân hát kể sử thi và hoạt động hát kể sử thi; thứ hai, trong quan hệ với cộng đồng, ot ndrong gắn liền với tập tục, tín ngưỡng, căn tính văn hoá của tộc người M' nông. Để khảo sát các khía cạnh đó, chúng tôi sử dụng phương pháp điền dã dân tộc học, kết hợp phương pháp phân tích tư liệu. Đóng góp của bài viết là chỉ ra những nét đặc thù về nghệ nhân hát kể sử thi M' nông vào hoạt động hát kể sử thi M' nông, đồng thời diễn giải những biểu hiện của đời sống văn hoá cộng đồng dân tộc M' nông được lưu giữ trong ot ndrong. Từ đó, chúng tôi kêu gọi ý thức lưu giữ, bảo tồn ot ndrong nói riêng cũng như các giá trị văn hoá của dân tộc M' nông nói chung.

Từ khoá: Nghệ nhân hát kể sử thi; sử thi M' nông (ot ndrong); cộng đồng; dân tộc M' nông; di sản văn hoá.

1. Một số vấn đề về nghệ nhân hát kể sử thi M' nông và hoạt động hát kể sử thi M' nông

1.1. Một số vấn đề về nghệ nhân hát kể sử thi M' nông

Trong quá trình diễn xướng sử thi, nghệ nhân dân gian có vai trò hết sức quan trọng. Họ chính là người chuyên môn hoá đầu tiên trong công việc sáng tạo và biểu diễn loại hình “nghệ thuật” này. Tuy văn học dân gian là sáng tác của tập thể nhưng bản chất của tập thể đó là tập hợp của những cá nhân tài năng, có khả năng nghệ thuật vượt qua số đông quần chúng còn lại.

Nghệ nhân ot ndrong là người có trí nhớ rất tốt, có thể nói là phi thường (có thể so sánh với các nghệ nhân hát kể sử thi của thế giới, tiêu biểu như nghệ nhân Trát Ba, người Tây Tạng, Trung Quốc đã hát kể được 25 truyện *Cách Tát Nhĩ*). Nghệ nhân hát kể sử thi M' nông có thể thuộc hàng vạn câu ndrong và diễn xướng trong nhiều ngày, tiêu biểu như Điều Mpioih, Điều Klut, Điều Klung... Các nghệ nhân cho biết, muốn nắm bắt thành thạo các sử thi, thông thường họ phải trải qua một quá trình học tập và luyện tập tương đối dài. Xuất phát từ việc tìm hiểu bí mật tại sao các nghệ nhân mù chữ lại có thể ghi nhớ và lưu giữ hàng trăm ngàn câu thơ, các nhà nghiên cứu đã tiến hành điều tra, phân tích và nghiêng về khuynh hướng cho rằng, mặc dù các câu chuyện sử thi có hàng ngàn điểm khác biệt, nhưng “mô hình câu chuyện” của chúng lại chỉ có hạn và phương thức gắn kết môtip của câu chuyện cũng có một số quy luật để tuân theo. Chính các “chi tiết lặp lại”, những “khuôn mẫu đúc sẵn” được tạo ra từ rất nhiều “thể thức sử thi” này đã giúp nghệ nhân nắm bắt thành thạo các kỹ xảo để kể lại câu chuyện một cách thuần thục và lưu loát.

Theo khảo sát của chúng tôi, nghệ nhân hát kể ot ndrong không phải là những nghệ nhân chuyên nghiệp, cũng không phải là những nghệ nhân bán chuyên nghiệp và việc hát kể ot ndrong chưa trở thành một nghề như ở một số dân tộc trên thế giới (ví dụ ở Hy Lạp). Nghệ nhân M'ông diễn xướng sử thi là theo yêu cầu của cộng đồng và nhu cầu nội tại của bản thân. Họ không hưởng riêng một quyền lợi vật chất nào, ngoài phần thưởng vô giá là lòng tin yêu và sự kính phục của cộng đồng (Đỗ Hồng Kỳ, 2008). Họ hát kể sử thi là để đáp ứng nhu cầu thưởng thức của dân làng, cũng có khi chỉ đơn giản là hát trong lúc rảnh rỗi, khi lao động sản xuất để thỏa mãn nhu cầu tinh thần của bản thân; và cũng có thể được các thầy cúng, thầy bói vận dụng vào việc tang ma, bói toán, cúng đoán bệnh (tất nhiên là chỉ mượn một số lời hát, còn giọng điệu, cách hát, động tác đã khác xa “bản gốc”). Tóm lại, nghệ nhân diễn xướng ot ndrong là những người lao động bình thường. Trong cộng đồng người M'ông chưa xuất hiện lớp người sống bằng nghề hát kể sử thi. Hiện nay hầu hết các nghệ nhân đều đã lớn tuổi và gần như không còn sức để hát kể nữa. Những năm 2013, 2014 chúng tôi đã nhiều lần đến xã Đăk Ndrung, huyện Đăk Song, tỉnh Đắk Nông gặp nghệ nhân Điêu Klut và đề xuất ông ot cho chúng tôi nghe nhưng ông chỉ hát được vài câu rồi không thể hát tiếp được nữa. Ông cho biết là mệt lắm, không còn sức để “kéo” nữa. Mỗi lần như vậy chúng tôi không khỏi băn khoăn nghĩ về một nghệ nhân tài hoa, một “báu vật sống” đang gìn giữ những giá trị văn hoá tộc người chẳng bao lâu nữa sẽ về với tổ tiên...

1.2. Về hoạt động hát kể sử thi M'ông

Trong cuốn sách *Văn học dân gian các dân tộc ít người ở Việt Nam*, Võ Quang Nhơn đã nói, môi trường diễn xướng của sử thi thần thoại luôn kèm theo các nghi lễ tôn giáo. Về đặc điểm này, qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy trong kho tàng văn học dân gian các dân tộc ít người ở Việt Nam thì chỉ có sử thi của người Mường và sử thi của người M'ông là được dùng với ý nghĩa thiêng liêng này. Trong sử thi của người Mường và người M'ông có nhiều câu, nhiều đoạn được dùng để hát kể khi đưa tiễn linh hồn người chết, để bói toán, đoán bệnh. Người diễn xướng sử thi trong lễ tang ma của người Mường là những ông *mo*, của người M'ông là những *bojâu*. Trong khi sử thi của các dân tộc khác như *khan* của người Êđê, *homon* của người Bana lại được diễn xướng bởi các nghệ nhân bình thường và thường được diễn xướng trong lúc vui chơi, rảnh rỗi...

Đối với *khan* Êđê, khi diễn xướng, nghệ nhân chủ yếu chỉ dùng ngôn ngữ và giọng điệu để biểu đạt nội dung truyện kể, rất ít khi người nghệ nhân dùng động tác nào đó để mô phỏng cử chỉ, hành động của nhân vật. Tuỳ theo nội dung cụ thể của truyện kể mà nghệ nhân có giọng kể sao cho phù hợp, nhằm đưa lại hiệu quả nhận thức, thẩm mỹ cao nhất cho người nghe. Nhìn chung, hát kể *khan* được tiến hành theo một quá trình khá đơn giản. Khi bắt đầu, giọng nghệ nhân từ thấp lên cao, diễn tả hết một câu, một ý thì giọng nghệ nhân ngân dài để ngắt câu, chuyển ý và tiếp đó người nghệ nhân lại trở về giọng kể như lúc bắt đầu. Nghệ nhân diễn kể *khan* đã kết hợp được một cách nhuần nhuyễn giữa hát kể *khan* với những sắc thái của điệu hát đối đáp và khóc kể để biểu đạt từng sắc thái hành động, cảnh ngộ của nhân vật, cảnh sắc thiên nhiên, tiếng chim kêu, tiếng ngựa hí, tiếng gọi voi... một cách cuốn hút, hấp dẫn người nghe.

Đối với ot ndrong, trước lúc hát kể, nghệ nhân thường tóm tắt nội dung phần mình sẽ trình bày và giải thích những chỗ khó hiểu cho người nghe. Xong phần dẫn truyện, nghệ nhân nhấp một hơi rượu cần, đằng hắng lấy giọng, rồi cất cao giọng ot

ndrong. Trong khi hát kể, đôi khi nghệ nhân gio tay làm điệu bộ để diễn tả hành động của nhân vật trong truyện.

Khi nghệ nhân hát kể khan, người nghe chủ yếu thấy được sự việc thông qua giọng hát kể chứ không phải qua những điệu bộ như khi hát kể ot ndrong của nghệ nhân M'ông. Trong khan của người Ê đê, khi diễn tả về những trận đánh nhau của nhân vật anh hùng với các tù trưởng đối lập hoặc chuyện các anh hùng đi cướp vợ của người khác thì giọng nghệ nhân dồn dập, mạnh mẽ, mang âm hưởng anh hùng ca. Khi diễn tả cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, giọng nghệ nhân lại chậm rãi, nhẹ nhàng, êm ái, dãn trải... Khi nói về các hành vi không đàng hoàng, không trung thực của các tù trưởng đối địch thì giọng người hát kể toát ra vẻ trách móc, chê bai... Tóm lại tùy vào hành động của nhân vật trong truyện mà nghệ nhân Ê đê có những giọng điệu hát kể thích hợp.

Khác với khan của dân tộc Ê đê, ot ndrong được các nghệ nhân M'ông diễn xướng theo phương thức kết hợp các yếu tố: hát, kể, đối thoại và làm điệu bộ theo kiểu diễn xướng sân khấu. Điều đó cho thấy sử thi M'ông mang tính nguyên hợp cao hơn và đậm chất cổ sơ hơn sử thi Ê đê.

Khi diễn xướng ot ndrong, người M'ông có những cấm kỵ, kiêng cử như: nghệ nhân M'ông không được diễn xướng ot ndrong tại nhà mình hoặc nếu trong gia đình nghệ nhân có người chết thì ba năm sau mới được hát kể (tất nhiên cũng không được hát kể tại nhà mình); trong bon có người chết thì không ai được hát kể sử thi, nếu muốn hát kể sử thi thì phải ra khỏi phạm vi của bon làng; khi ot ndrong qua đêm, sáng mai chủ nhà phải làm lễ cúng các thần cư ngụ xung quanh nhà để báo rằng mình đã nhờ người hát kể ot ndrong cho cộng đồng nghe. Khi nghệ nhân muốn diễn xướng ot ndrong tại nhà mình thì phải giết một con gà và phải có một ché rượu cần để làm lễ cúng thần linh. Theo người M'ông, nếu không làm cúng mà hát kể sử thi thì người trong gia đình nghệ nhân sẽ bị ốm đau, bệnh tật hoặc bon làng sẽ gặp tai họa. Theo Đỗ Hồng Kỳ cho biết, năm 2002 ông và các đồng nghiệp có yêu cầu nghệ nhân Điều Kuk ở xã Quảng Trục, huyện Đắc Rláp, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông) hát ndrong tại nhà mà chưa kịp mua gà, rượu cho gia đình làm lễ cúng khấn thần linh. Sau đó không may con rể nghệ nhân này bị ngã, gia đình nghệ nhân Điều Kuk đã bắt phạt vạ bằng cách phải mua rượu, gà để làm lễ cúng thần (Đỗ Hồng Kỳ, 2008, tr. 193). Đỗ Hồng Kỳ còn cho biết, khi tiếp xúc với các nghệ nhân thuộc nhóm M'ông Preh, ông được họ cho biết ot ndrong còn được diễn xướng trong lễ đâm trâu và lễ tang. Những nhà giàu khi có người chết, người ta tổ chức ot ndrong ba đêm. Khi nghệ nhân diễn xướng, mọi người ngồi nghe chăm chú. Trong khi đó, nhóm M'ông Nong lại không diễn xướng ot ndrong trong đám tang mà chỉ được mượn lời của ot ndrong để khóc thương người quá cố (khi đó gọi là *nhĩm khĩt*). Rất có thể trước đây nhóm Nong (và có thể một số nhóm khác nữa) cũng diễn xướng ot ndrong trong đám tang, nhưng vì một lý do nào đó họ đã bỏ tập tục này (Đỗ Hồng Kỳ, 2008, tr. 194). Điều này cho thấy ot ndrong còn có một giá trị linh thiêng trong đời sống cộng đồng người M'ông.

Theo nhà nghiên cứu Triều Qua Kim (người Trung Quốc) thì ở rất nhiều cộng đồng, tộc người, vai trò cơ bản của hoạt động biểu diễn sử thi là vui chơi giải trí, qua đó thánh giả đạt được rất nhiều niềm vui thẩm mỹ. Nhưng ở một số truyền thống khác, công việc diễn xướng sử thi lại mang các chức năng khác, như người Mông Cổ tin rằng việc diễn xướng sử thi có tác dụng trong việc xua đuổi dịch bệnh, giải trừ thiên tai. Do tin tưởng rằng sử thi có một pháp lực nào đó nên ở một số cộng đồng, trước khi diễn xướng

và trong quá trình diễn xướng sử thi đều có rất nhiều nghi lễ và những cấm kỵ để đảm bảo cho sự bình an của nghệ nhân và khán giả, đảm bảo cho hoạt động diễn xướng được tiến hành thuận lợi và đạt được những kết quả mà mọi người mong muốn (Viện KHXH Việt Nam, 2009, tr. 324). Dựa vào ý kiến của Triều Qua Kim và kết quả khảo sát, chúng tôi thấy rằng về phương diện diễn xướng thì ot ndrong của người M'ông có thể được diễn xướng kèm theo các nghi lễ tôn giáo, và trong khi diễn xướng có kèm theo điệu bộ, cử chỉ. Điều này cho chúng ta thấy rõ được tính chất cổ sơ (thần thoại) của sử thi M'ông, đúng như Võ Quang Nhơn đã viết “về phương thức diễn xướng, trong khi sử thi thần thoại là một thành tố trong cơ cấu diễn xướng nghi lễ tôn giáo dân gian thì sử thi anh hùng là một sinh hoạt văn hoá thể tục, được diễn xướng một cách bình thường, tách rời khỏi nghi lễ tôn giáo” (Võ Quang Nhơn, 1981, tr. 43).

2. Mối quan hệ của ot ndrong với đời sống cộng đồng dân tộc M'ông

Ot ndrong là bức tranh toàn cảnh, là kho tri thức về cuộc sống của người M'ông thời cổ xưa. Người ta có thể tìm thấy ở đó những chi tiết nhỏ nhất nhất trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày đến những vấn đề lớn lao về nhân sinh quan và thế giới quan của người M'ông. Khi nghe hát kể ot ndrong, người diễn xướng cũng như người nghe đều không coi đó chỉ đơn thuần là trò giải trí, mà còn là những bài học về lịch sử của dân tộc mình. Khi diễn xướng, người nghệ nhân không hề có ý thức là mình nói lên tiếng nói của tâm tư, tình cảm cá nhân, mà đó là tiếng nói chung của tư tưởng, tình cảm của cả cộng đồng.

Theo khảo sát của chúng tôi, hiện nay ot ndrong vẫn có một ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống hằng ngày của người M'ông. Nhiều câu ot ndrong đã trở thành thiêng liêng trong cuộc sống của họ. Những câu mà thủ lĩnh Tiăng dạy các thành viên thị tộc ở trong ot ndrong đã trở thành những câu châm ngôn quen thuộc mà người thợ săn nào cũng phải biết trước lúc vào rừng:

Săn bò rừng không được nói tên chỉ được gọi là con đở

Săn trâu rừng không được nói tên chỉ gọi là con sừng.

Ot ndrong còn phản ánh rất nhiều vấn đề về đời sống tinh thần của người M'ông mà qua đó chúng ta thấy được những tri thức, kinh nghiệm sống của họ. Đã thành tập tục, trước lúc đi đâu xa hay trước khi thực hiện một công việc quan trọng nào đó, người M'ông thường cúng khấn thần linh để mong thần linh che chở, phù hộ cho họ. Mỗi khi lên đường thực hiện một công việc nào đó, dọc đường đi, nếu gặp chim sẻ kêu phía bên trái thì người M'ông cho rằng sẽ gặp may mắn, còn nếu gặp cây đổ sẽ không tránh khỏi trắc trở, rủi ro. Điều này cũng được thể hiện trong các tác phẩm ot ndrong:

Cây guih ngã bên phía tay phải

Cây sa ngã bên phía tay trái

Dong nói với Ndrư rằng

Những cái xảy ra là điềm xấu...

(Đỗ Hồng Kỳ, 2008, tr. 258)

Qua tác phẩm ot ndrong chúng ta biết được trước đây, khi gia đình M'ông có người hay một con vật nào đó sinh nở thì gia đình phải kiêng cử, người ngoài gia đình chỉ được đến chơi và vào nhà sau một khoảng thời gian nhất định:

*Con dê đẻ ba đêm hết cữ
Con heo đẻ bốn đêm hết cữ
Con người đẻ bốn đêm hết cữ...*

(Đỗ Hồng Kỳ, 2008, tr. 259)

Ot ndrong còn cho chúng ta thấy được rất nhiều sắc thái văn hoá, những tập quán sinh hoạt của người M'ông. Ví dụ, mỗi khi nhà có khách, gia chủ sẽ mời uống rượu cần theo tập quán của người M'ông: khách ném một hơi rượu đầu, sau đó chủ uống trước, khách uống sau. Những tập quán về dựng vợ gả chồng cũng được ot ndrong nói đến nhiều và đây là lời của Yang đòi cha mẹ đi hỏi vợ cho mình: *Sao mẹ cha không đem con heo, ché rượu, không kiếm vòng bạc, vòng đồng, không tìm chuỗi hạt nhiều màu để làm đồ hỏi vợ cho con*. Theo lễ tục của người M'ông thì con trai đến tuổi trưởng thành thì bố mẹ phải tính đến việc đi hỏi vợ cho con và lễ vật khi đi hỏi vợ phải có đầy đủ những thứ như trên. Trong sử thi cũng như trong cuộc sống hiện nay ở cộng đồng người M'ông vẫn lưu giữ tập quán, khi có con, nếu sinh con gái người ta cúng Yang cho đứa bé bằng cào, bằng lược; còn nếu sinh con trai thì người ta sẽ cúng Yang cho nó bằng rìu, bằng rựa.

Tác phẩm *Mùa rẫy bon Tiăng* là câu chuyện nói về quá trình lao động sản xuất, về đời sống xã hội và về cuộc đấu tranh chống thiên tai của người M'ông. Tác phẩm chứa đựng những hiểu biết, kinh nghiệm của người M'ông xưa trong việc canh tác nương rẫy và thời vụ gieo trồng:

*Tháng một ta đốt rẫy cũ
Tháng hai ta phát rẫy mới
Tháng ba ta đốt rẫy mới
Tháng bốn ta đi tria rẫy cũ
Tháng năm ta đi tria rẫy mới
Tháng sáu, tháng bảy phải làm cỏ lúa
Tháng tám đuổi chim rách giữ rẫy
Tháng chín, tháng mười tuốt lúa về nhà...*

(Trần Tấn Vĩnh, 1994, tr. 28)

Trong ot ndrong cũng chứa đựng rất nhiều những câu tục ngữ, thành ngữ nhằm khuyên răn con người cách sông, cách lao động sản xuất:

*Muốn có rẫy phải rủ nhau làm
Muốn bắn con sóc phải làm ná
Muốn bắt được con cá phải làm rờ
Muốn bắt được con chuột phải làm bẫy đúng.*

Trong cuộc sống, người M'ông có tục chia của cải cho người chết. Tục này cũng được ot ndrong đề cập như sau:

*Họ chia vòng tay một phần cho người chết
Họ chia râu cườm một phần cho người chết
Họ chia răng bịt một phần cho người chết
Bầu cơm vờ chia cho Ting một cái
Cái nôi vờ chia cho Rung một cái*

(Viện KHXH Việt Nam, 2006, tr. 2455)

Ot ndrong còn đề cập đến nhiều phong tục, tập quán khác của người M'ông, như khi lấy chiêng, trống ra đánh thì phải làm lễ cúng thần linh; trong gia đình, người đàn ông có việc phải đi xa, người phụ nữ ở nhà phải kiêng cử:

Đàn ông goá vợ mượn cuốc không cho

Đàn ông goá vợ mượn cào cũng kiêng

Đàn bà goá chồng mượn rìu không nên.

Trong đời sống của người M'ông, tín ngưỡng về bùa ngải, ma lai chiếm giữ một vị trí cực kỳ quan trọng và họ luôn tin những thứ đó là có thật, chi phối mọi mặt đời sống của họ. Trong ot ndrong thì ma lai, bùa ngải và các hình thức bói toán để đoán bệnh xuất hiện với một tần suất khá đậm. Việc truyền ma lai cho nhau là nguyên nhân của mọi hiềm khích, mọi hận thù, là nguyên nhân dẫn đến những cuộc chiến tàn khốc giữa các nhân vật trong tác phẩm sử thi. Vì ma lai mà họ lừa gạt, chém giết lẫn nhau. Hiện nay, bùa ngải vẫn còn tồn tại trong tiềm thức của người M'ông. Họ vẫn tin rằng những câu chuyện về bùa ngải, ma lai là có thật, điều này đã gây ra những câu chuyện đau lòng trong cuộc sống của cộng đồng.

Trong ot ndrong thì các loại nhạc cụ, chức năng và công dụng của nó đã được kể ra một cách khá chân thực và sinh động. Cồng chiêng là loại nhạc cụ vừa đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí vừa thực hiện chức năng là chiếc cầu nối giữa cuộc sống của con người với thế giới thần linh: Khi làm cỏ lúa người ta đánh chiêng nhỏ; lúc tuốt lúa đánh chiêng lớn; nhà có khách thì đánh chiêng yau; kèn mbuất thường được thổi khi có cuộc sống thanh bình, tù và được thổi khi có chiến tranh, gong put được người ta treo trên rẫy, âm thanh phát ra có tác dụng đuổi khi, đuổi chim... Trong tác phẩm ot ndrong còn kể khá chi tiết về những nguyên liệu làm nên một loại nhạc cụ nào đó, như gâr - một loại trống chỉ đánh trong đám tang và báo động khi có chiến tranh thì được mô tả “một bên bịt bằng da bò, một bên bịt bằng da trâu”. Âm thanh của nhiều loại nhạc cụ được biểu hiện với những âm sắc khác nhau: tiếng kèn mbuất thì du dương, dịu dặt; tiếng tù và thì ngân nga, vang vọng; tiếng cồng chiêng thì dồn dập, trầm hùng và rộn rã...

Ot ndrong còn được dùng để khóc tang (chỉ mượn lời của ot ndrong và được khóc hát với một ngữ điệu khác với ot ndrong, họ gọi đó là *nhĩm khít*); để bói toán, đoán bệnh; để cúng khấn thần linh mỗi khi thực hiện một công việc gì đó... Nói tóm lại ot ndrong có mối quan hệ hết sức bền chặt và có vai trò rất quan trọng trong đời sống cộng đồng dân tộc M'ông cả trước đây cũng như hiện nay. Chúng ta cần nâng niu, trân trọng và gìn giữ nó. Vì vậy chúng tôi đưa ra một số kiến nghị nhằm để có thể bảo tồn và phát huy được những giá trị to lớn của nó.

3. Kết luận

Dân tộc M'ông là chủ nhân của một kho tàng văn hoá dân gian vô cùng sinh động và độc đáo. Trong kho tàng văn hoá dân gian ấy, nổi trội hơn cả là các tác phẩm sử thi, nó không chỉ là tài sản văn hoá vô giá của người M'ông mà còn của dân tộc Việt Nam và thế giới. Sử thi M'ông lưu giữ trong nó nhiều tư liệu quý về dân tộc học, ngôn ngữ học và văn hoá dân gian mà chúng ta khai thác chưa được bao nhiêu. Nó chứa đựng nhiều vấn đề mà chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu để “giải mã”.

Mặc dù được phát hiện chưa lâu nhưng công tác sưu tầm, nghiên cứu, biên dịch và xuất bản sử thi M'ông đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Sử thi M'ông có số

lượng đồ sộ vào bậc nhất trong khu vực và trên thế giới. Nó có nội dung phong phú, hình thức đa dạng, môi trường diễn xướng và chức năng sinh hoạt độc đáo. Khi ot ndrong được diễn xướng, người M'ông cho rằng nó có thể giúp con người truyền tải được những thông tin đến với các đấng thần linh, đồng thời nó như là chiếc cầu nối để gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng với nhau.

Sử thi M'ông là bức tranh rộng lớn và sinh động phản chiếu một cách toàn vẹn đời sống xã hội của người M'ông thời cổ xưa. Là kho tri thức về kinh nghiệm sản xuất, sinh hoạt xã hội, về công cuộc đấu tranh để cải tạo, chinh phục tự nhiên của người M'ông.

Trong ot ndrong, nghệ nhân đã xây dựng được những nhân vật lý tưởng, đại diện cho ước mơ, khát vọng, hoài bão của cộng đồng. Đó là những người anh hùng có sức mạnh phi thường, tài năng thiên bẩm, dung mạo phi phàm, luôn lập được những chiến công lừng lẫy. Các nghệ nhân M'ông đã xây dựng được thế giới nhân vật phong phú, đa dạng với những thủ pháp nghệ thuật độc đáo, đặc sắc đã làm cho những áng sử thi có sức sống mãnh liệt và có sức lay động lòng người sâu sắc

Ngoài chức năng giải trí, ot ndrong còn được sử dụng để bói toán, đoán bệnh và đặc biệt ở một vài nhóm M'ông nó còn được diễn xướng trong đám tang, trong các nghi lễ tôn giáo ở dạng sơ khai.

Ot ndrong là kết quả của sự kết hợp và nâng cao những truyện thần thoại lại với nhau. Những truyện thần thoại đó được bổ sung thêm nhiều câu dân ca, các nghi lễ, các tập quán sinh hoạt, các câu tục ngữ về những hiện tượng tự nhiên và xã hội. Sử thi M'ông là sự tổng hòa một cách nguyên hợp các thủ pháp nghệ thuật của văn học nghệ thuật dân gian với các hình thức khác của ý thức xã hội như triết học suy nguyên, tôn giáo dưới dạng ma thuật (Viện KHXH Việt Nam, 2005, tr. 20).

Hiện nay các giá trị văn hoá dân gian của người M'ông đang ngày càng mất đi một cách nhanh chóng trước sự ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường và xu thế hiện đại hoá. Thực trạng đó đang đặt văn hoá truyền thống của người M'ông trước những thách thức rất lớn, đòi hỏi cần phải nhanh chóng đề ra những chương trình, giải pháp nhằm bảo tồn các giá trị của nền văn hoá Tây Nguyên nói chung và dân tộc M'ông nói riêng.

Sử thi M'ông đang bị mai một một cách nhanh chóng. Hiện nay, tại các bon làng gần như đã vắng bóng những đêm diễn xướng sử thi, điều đó đặt ra cho chúng ta không ít khó khăn trong công tác bảo tồn và lưu giữ kho tàng sử thi M'ông. Theo chúng tôi, ot ndrong chỉ có thể “sống” được khi nó được đặt trong môi trường đã sản sinh và nuôi dưỡng nó. Vì vậy cần phải tăng cường hơn nữa hoạt động diễn xướng, ghi chép, in ấn thành văn bản để bảo tồn, lưu giữ được những giá trị văn hoá độc đáo của tiền nhân.

Việc sưu tầm, dịch thuật, xuất bản và nghiên cứu sử thi M'ông đã gặt hái được nhiều kết quả đáng trân trọng, song vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu để có cái nhìn tổng quan về thể loại văn học dân gian độc đáo này. Công việc trên chỉ thực hiện có kết quả tốt khi có sự đầu tư thời gian, công sức và kinh phí xứng đáng của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp... Và điều then chốt và quan trọng hơn cả là sự nhiệt tình, sự dấn thân của các nhà nghiên cứu cũng như trí thức tại địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bế Viết Đăng và cs. (1982). *Đại cương các dân tộc Êđê, M'ông ở Đắk Lắk*. NXB Khoa học xã hội.
- Nguyễn Việt Hùng (2011). *Công thức truyền thống trong sử thi - Ot Ndong*. Luận án tiến sĩ Văn học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Đinh Gia Khánh và cs. (1998). *Văn học dân gian Việt Nam*. NXB Giáo dục.
- Đỗ Hồng Kỳ (1996). *Sử thi thần thoại M'ông*. NXB Khoa học xã hội.
- Đỗ Hồng Kỳ (2008). *Văn học dân gian Êđê - M'ông*. NXB Khoa học xã hội.
- Đỗ Hồng Kỳ (2001). *Những khía cạnh văn hóa dân gian M'ông*. NXB Văn hóa dân tộc.
- Võ Quang Nhơn (1983). *Văn học dân gian các dân tộc ít người ở Việt Nam*. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
- Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2005). *Thuốc cá ở hồ Bàu Trôi, Mặt Trăng*. NXB Khoa học xã hội.
- Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2006). *Ting, Rung chết*. NXB Khoa học xã hội.
- Viện KHXH Việt Nam - UBND tỉnh Đắk Lắk (2009). *Sử thi Việt Nam trong bối cảnh sử thi Châu Á*. NXB Khoa học xã hội.
- Trần Tấn Vính (1994). *Cây nêu thần*. Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Đắk Lắk.

SUMMARY

SOME ISSUES ON M'NONG EPICS AND THE RELATIONSHIP BETWEEN OT NDRONG AND THE COMMUNAL LIFE OF THE M'NONG PEOPLE

Triệu Văn Thịnh

Tay Nguyen University, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province

Received on 15/10/2020, accepted for publication on 14/12/2020

The epic of M'ong (*ot ndrong*) is a cultural heritage of the M'ong ethnic group as well as that of the Vietnamese nation. In this article, the M'ong epic is studied from two perspectives: first, in the performing context, *ot ndrong* cannot be performed without the epic rhapsodes; second, in the relationship with the community, *ot ndrong* is associated with the customs, beliefs and cultural identity of the M'ong ethnic group. Ethnographic fieldwork method is applied in this study, combined with data analysis. The contribution of the article is to indicate the specific features of the epic rhapsodes in M'ong community, and to interpret the communal culture hidden in M'ong people. The study therefore raises a voice of preserving *ot ndrong* in particular as well as the M'ong cultural values in general.

Keywords: Epic rhapsodes; M'ong epic (*ot ndrong*); community; M'ong ethnic group; cultural heritage.